

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 2

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4

Bộ sách: Chân trời sáng tạo

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $3 \text{ m}^2 7 \text{ dm}^2 = \dots\dots \text{ cm}^2$ là:

- A. 370 B. 30 070 C. 30 700 D. 3 070

Câu 2. Điền đúng (Đ) hoặc sai (S) cho mỗi câu dưới đây:

- a) Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau
- b) Hình chữ nhật có hai cặp cạnh đối diện song song và độ dài bốn cạnh bằng nhau
- c) Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và độ dài bốn cạnh bằng nhau
- d) Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song và độ dài bốn cạnh bằng nhau

Câu 3. Có hai xe chở gạo, trung bình mỗi xe chở được 156 bao gạo. Hỏi mỗi xe chở bao nhiêu bao gạo, biết rằng xe thứ nhất chở ít hơn xe thứ hai là 28 bao gạo?

- A. 92 bao gạo B. 170 bao gạo
C. 142 bao gạo D. 64 bao gạo

Câu 4. Điền số còn thiếu vào chỗ chấm: $\frac{3}{7} + .?. = \frac{9}{8}$

- A. $\frac{24}{56}$ B. $\frac{63}{56}$ C. $\frac{39}{56}$ D. $\frac{87}{56}$

Câu 5. Sắp xếp các số $\frac{5}{2}; \frac{21}{18}; \frac{7}{7}; \frac{12}{17}; \frac{132}{143}$ theo thứ tự từ bé đến lớn.

- A. $\frac{132}{143}; \frac{12}{17}; \frac{7}{7}; \frac{21}{18}; \frac{5}{2}$ B. $\frac{5}{2}; \frac{7}{7}; \frac{12}{17}; \frac{21}{18}; \frac{132}{143}$
C. $\frac{132}{143}; \frac{12}{17}; \frac{7}{7}; \frac{5}{2}; \frac{21}{18}$ D. $\frac{12}{17}; \frac{132}{143}; \frac{7}{7}; \frac{21}{18}; \frac{5}{2}$

Câu 6. Lớp 4A có 42 học sinh. Số học sinh nam bằng $\frac{3}{7}$ số học sinh của lớp. Số học sinh nữ của lớp 4A là:

- A. 18 học sinh B. 21 học sinh C. 24 học sinh D. 28 học sinh

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

a) $34\ 120 \times 56$

.....

b) $14\ 760 : 45$

.....

c) $47\ 802 + 16\ 146$

.....

d) $92\ 518 - 57\ 639$

.....

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $\frac{2}{5}$ yên = kg

b) $7\text{m}^2\ 2\ \text{cm}^2 = \dots\dots\ \text{mm}^2$

c) $80\ 090\ \text{mm}^2 = \dots\dots\ \text{dm}^2\ \dots\ \text{mm}^2$

d) $\frac{5}{6}$ giờ = giây

Câu 3. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 96 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Diện tích của mảnh đất hình chữ nhật là:

.....

Câu 4. Tìm hai số chẵn có tổng bằng 512, biết rằng ở giữa chúng còn có 3 số lẻ.

.....

Câu 5. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{8}{5} + \frac{3}{6} + 2 + \frac{4}{5} + \frac{3}{2} + \frac{3}{5}$

b) $\frac{1717}{3636} \times \frac{181818}{343434}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm $3 \text{ m}^2 7 \text{ dm}^2 = \dots\dots \text{ cm}^2$ là:

- A. 370 B. 30 070 C. 30 700 D. 3 070

Phương pháp:

$$1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$$

$$1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2$$

Lời giải:

$$3 \text{ m}^2 7 \text{ dm}^2 = 30\,700 \text{ cm}^2$$

Đáp án: C

Câu 2. Điền đúng (Đ) hoặc sai (S) cho mỗi câu dưới đây:

- a) Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau
- b) Hình chữ nhật có hai cặp cạnh đối diện song song và độ dài bốn cạnh bằng nhau
- c) Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và độ dài bốn cạnh bằng nhau
- d) Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song và độ dài bốn cạnh bằng nhau

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm của hình thoi, hình bình hành, hình chữ nhật

Đáp án:

Câu a), c) Đúng

b) Sai vì không phải hình chữ nhật nào cũng có độ dài bốn cạnh bằng nhau.

c) Sai vì không phải hình bình hành nào cũng có độ dài bốn cạnh bằng nhau. Chỉ trường hợp hình bình hành đặc biệt có 4 cạnh bằng nhau (đó là hình thoi).

Câu 3. Có hai xe chở gạo, trung bình mỗi xe chở được 156 bao gạo. Hỏi xe thứ hai chở được bao nhiêu bao gạo, biết rằng xe thứ nhất chở ít hơn xe thứ hai là 28 bao gạo?

- A. 92 bao gạo B. 170 bao gạo
C. 142 bao gạo D. 64 bao gạo

Phương pháp:

Tìm tổng số gạo mà 2 xe chở được

Tìm số gạo xe thứ 2 chở được

$$\text{Số lớn} = (\text{tổng} + \text{hiệu}) : 2$$

Lời giải:

Tổng số gạo mà 2 xe chở được là:

$$156 \times 2 = 312 \text{ (bao gạo)}$$

Số gạo xe thứ 2 chở được là:

$$(312 + 28) : 2 = 170 \text{ (bao gạo)}$$

Đáp số: 170 bao gạo

Đáp án: B

Câu 4. Điền số còn thiếu vào chỗ chấm: $\frac{3}{7} + .?. = \frac{9}{8}$

A. $\frac{24}{56}$

B. $\frac{63}{56}$

C. $\frac{39}{56}$

D. $\frac{87}{56}$

Phương pháp:

Số hạng = Tổng – Số hạng

Lời giải:

$$\frac{3}{7} + .?. = \frac{9}{8}$$

$$?. = \frac{9}{8} - \frac{3}{7} = \frac{39}{56}$$

Đáp án: C

Câu 5. Sắp xếp các phân số $\frac{5}{2}; \frac{21}{18}; \frac{7}{7}; \frac{12}{17}; \frac{132}{143}$ theo thứ tự từ bé đến lớn.

A. $\frac{132}{143}; \frac{12}{17}; \frac{7}{7}; \frac{21}{18}; \frac{5}{2}$

B. $\frac{5}{2}; \frac{7}{7}; \frac{12}{17}; \frac{21}{18}; \frac{132}{143}$

C. $\frac{132}{143}; \frac{12}{17}; \frac{7}{7}; \frac{5}{2}; \frac{21}{18}$

D. $\frac{12}{17}; \frac{132}{143}; \frac{7}{7}; \frac{21}{18}; \frac{5}{2}$

Phương pháp:

So sánh các phân số

Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn

Lời giải:

Ta có:

+) Các phân số bé hơn 1: $\frac{132}{143}; \frac{12}{17}$

Ta so sánh $\frac{132}{143}$ và $\frac{12}{17}$

$\frac{132}{143} = \frac{12}{13}; \frac{12}{17}$ là 2 phân số có tử số giống nhau (đều là 12); có mẫu số ($13 < 17$) nên $\frac{12}{17} < \frac{12}{13}$ hay

$$\frac{12}{17} < \frac{132}{143}$$

+) $\frac{7}{7} = 1$

+) Các phân số lớn hơn 1: $\frac{5}{2}; \frac{21}{18}$

$\frac{5}{2}; \frac{27}{18} = \frac{3}{2}$ là 2 phân số có mẫu số giống nhau (đều là 2); có tử số ($5 > 3$) nên $\frac{27}{18} < \frac{5}{2}$

Vậy sắp xếp các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn là: $\frac{12}{17}; \frac{132}{143}; \frac{7}{7}; \frac{21}{18}; \frac{5}{2}$

Đáp án: D

Câu 6. Lớp 4A có 42 học sinh. Số học sinh nam bằng $\frac{3}{7}$ số học sinh của lớp. Số học sinh nữ của

lớp 4A là:

A. 18 học sinh

B. 21 học sinh

C. 24 học sinh

D. 28 học

sinh

Phương pháp:

Tính số học sinh nam của lớp 4A

Tính số học sinh nữ

Lời giải

Số học sinh nam của lớp 4A là:

$$42 \times \frac{3}{7} = 18 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh nữ của lớp 4A là:

$$42 - 18 = 24 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 24 học sinh

Đáp án: C

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

a) $34\ 120 \times 56$

b) $14\ 760 : 45$

c) $47\ 802 + 16\ 146$

d) $92\ 518 - 57\ 639$

Phương pháp:

- Đặt tính

- Với phép cộng, trừ: Thực hiện lần lượt từ trái sang phải

- Với phép nhân: Thực hiện lần lượt từ phải sang trái

- Với phép chia: Chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} \times \quad 3412 \\ \quad \quad 56 \\ \hline \text{a) } 20472 \\ \quad 17060 \\ \hline 191072 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14760 \mid 45 \\ \quad 126 \mid 328 \\ \hline \text{b) } 360 \\ \quad \quad 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c) } + \quad 47\ 802 \\ \quad 16\ 146 \\ \hline 63\ 948 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{d) } - \quad 92\ 518 \\ \quad 57\ 639 \\ \hline 34\ 879 \end{array}$$

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

$$\text{a) } \frac{2}{5} \text{ yên} = \dots\dots \text{ kg}$$

$$\text{b) } 7\text{m}^2\ 2\ \text{cm}^2 = \dots\dots \text{ mm}^2$$

$$\text{c) } 80\ 090\ \text{mm}^2 = \dots\dots \text{ dm}^2 \dots \text{ mm}^2$$

$$\text{d) } \frac{5}{6} \text{ giờ} = \dots\dots \text{ giây}$$

Phương pháp:

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ yên} = 10 \text{ kg}$$

$$1\text{m}^2 = 1\ 000\ 000\ \text{mm}^2 ; 1\ \text{cm}^2 = 100\ \text{mm}^2$$

$$1\ \text{dm}^2 = 10\ 000\ \text{mm}^2$$

$$1 \text{ giờ} = 3\ 600 \text{ giây}$$

Lời giải

$$\text{a) } \frac{2}{5} \text{ yên} = 4 \text{ kg}$$

$$\text{b) } 7\text{m}^2\ 2\ \text{cm}^2 = 7\ 000\ 200\ \text{mm}^2$$

$$\text{c) } 80\ 090\ \text{mm}^2 = 8\ \text{dm}^2\ 90\ \text{mm}^2$$

$$\text{d) } \frac{5}{6} \text{ giờ} = 3\ 000 \text{ giây}$$

Câu 3. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 96 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Diện tích của mảnh đất hình chữ nhật là:

Phương pháp:

- Tính chiều rộng của mảnh đất hình chữ nhật

- Tính diện tích của mảnh đất hình chữ nhật

Lời giải

Chiều rộng của mảnh đất hình chữ nhật là:

$$96 \times \frac{3}{4} = 72 \text{ (m)}$$

Diện tích của mảnh đất hình chữ nhật là:

$$96 \times 72 = 6912 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 6912 m^2

Câu 4. Tìm hai số chẵn có tổng bằng 512, biết rằng ở giữa chúng còn có 3 số lẻ.

Phương pháp:

Hai số chẵn cần tìm và có số 4 số lẻ ở giữa chúng thì ta được 6 số lẻ liên tiếp tiếp. Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị.

* Tính hiệu của hai số lẻ cần tìm

* Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Số bé = $(\text{Tổng} - \text{Hiệu}) : 2$

- Số lớn = $\text{Tổng} - \text{Số bé}$

Lời giải

Hiệu của hai số lẻ cần tìm là:

$$2 \times 3 = 6$$

Số bé là:

$$(512 - 6) : 2 = 253$$

Số lớn là:

$$512 - 253 = 259$$

Đáp số: 253 và 259

Câu 5. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $\frac{8}{5} + \frac{3}{6} + 2 + \frac{4}{5} + \frac{3}{2} + \frac{3}{5}$

b) $\frac{1717}{3636} \times \frac{181818}{343434}$

Phương pháp:

- Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng

- Rút gọn phân số

Lời giải

a) $\frac{8}{5} + \frac{3}{6} + 2 + \frac{4}{5} + \frac{3}{2} + \frac{3}{5}$

$$= \left(\frac{8}{5} + \frac{4}{5} + \frac{3}{5}\right) + \left(\frac{1}{2} + \frac{3}{2}\right) + 2$$

$$= \frac{15}{5} + \frac{4}{2} + 2$$

$$= 3 + 2 + 2$$

$$= 7$$

b) $\frac{1717}{3636} \times \frac{181818}{343434}$

$$\begin{aligned} &= \frac{17 \times 101}{36 \times 101} \times \frac{18 \times 10101}{34 \times 10101} \\ &= \frac{17}{36} \times \frac{18}{34} \\ &= \frac{17}{18 \times 2} \times \frac{18}{17 \times 2} \\ &= \frac{17 \times 18}{18 \times 2 \times 17 \times 2} \\ &= \frac{1}{4} \end{aligned}$$